

Số: 239/2022/QĐST-HNGĐ

Hạ Long, ngày 19 tháng 8 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: chị **Bùi Thị V**, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: khu An Đông, thị trấn K, huyện K, tỉnh T;

Nơi ở hiện tại: số nhà 379, tổ 9, khu 1B, phường C, thành phố H, tỉnh Q.

2. Bị đơn: anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: số nhà 379, tổ 9, khu 1B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng N.

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2022,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Bùi Thị V và anh Lê Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị V và anh Lê Thanh T thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: trong quá trình chung sống, chị Bùi Thị V và anh Lê Thanh T xác nhận có 01 người con chung là: Lê Quỳnh C, sinh ngày 25/02/2020. Khi ly hôn chị V và anh T thống nhất thỏa thuận: anh Lê Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Quỳnh C đến

khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Bùi Thị V có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Bùi Thị V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh Lê Thanh T.

- *Về tài sản chung và khoản nợ chung*: chị Bùi Thị V và anh Lê Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: nguyên đơn chị Bùi Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị V đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000906 ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Hoàn trả lại chị Bùi Thị V số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự*;
- *TAND tỉnh Q*;
- *VKSND TP. H*;
- *THADS TP. H*;
- *UBND xã A, huyện K, tỉnh T*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Mạnh Hùng**